

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/DS-PT
Ngày: 20 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp đòi tài sản
và tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường
Bà Phạm Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-DS, ngày 5 tháng 01 năm 2023, về việc việc “tranh chấp đòi tài sản và tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2022/DS-ST, ngày 28-11-2022 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXX-PT, ngày 02 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ: số 38, tổ 06, khu phố 3, thị trấn DMC, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

- **Bị đơn:** ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1968 và bà Trương Thị T2, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: số 27 hẻm số 2 đường Nguyễn Văn L, khu phố LT, phường LT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; tạm trú số 07 hẻm 20 đường NQ, ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Lê Phước Y, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 08, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Vương Thị C, sinh năm 1938 (chết ngày 01/4/2022).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của Cụ C:

1.1 Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1961; địa chỉ: số 269, ấp TH, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.2. Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1963; địa chỉ: số 27, hẻm số 2, đường Nguyễn Văn L, khu phố LT, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.3. Ông Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1973; địa chỉ: số 29, hẻm số 2, đường Nguyễn Văn L, khu phố LT, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1969; địa chỉ: số 27, hẻm số 2, đường Nguyễn Văn L, khu phố LT, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

1.5. Ông Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1977; địa chỉ: số 27, hẻm số 2, đường Nguyễn Văn L, khu phố LT, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

1.6. Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1968 (bị đơn).

- *Người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng:* anh Lê Phước Y, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 08, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 27 (số cũ B4/6), hẻm số 2, đường Nguyễn Văn L, khu phố LT, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Bà Đặng Thanh T5, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 269, ấp TH, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Cháu Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 18/5/2013 và Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 09/4/2015, hiện đang sống cùng với nguyên đơn – do Bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện theo pháp luật.

- **Người kháng cáo:** ông Nguyễn Quốc T1; Ông Nguyễn Quốc D; Bà Đặng Thanh T5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc T6 kết hôn ngày 29/12/2012 có 02 con chung là Cháu Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 18/5/2013 và Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 09/4/2015. Năm 2017 ông T6 chết không để lại di chúc. Di sản của ông T6 để lại gồm 01 phần đất có diện tích 541,5 m², tại thửa số 143, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4, đây là tài sản riêng của chồng bà.

Khi còn sống ông T6 có cho vợ chồng em ruột là ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 mượn nhà, đất nêu trên để ở. Sau khi ông T6 chết bà yêu cầu vợ chồng ông T2 trả lại nhưng không trả. Nay bà yêu cầu ông T2, bà T3 trả lại nhà, đất và yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất nêu

trên thành 4 phần, gồm: Mẹ ruột của chồng là Cụ Vương Thị C, bà và 02 con của bà; yêu cầu chia hiện vật là nhà, đất.

- Ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 trình bày: Cụ C là mẹ ruột ông T6, ông T2. Ông T6 có vợ là Bà Nguyễn Thị Thanh T và có 02 con chung như bà T trình bày là đúng. Nhà đất tranh chấp do ông T6 mua và đứng tên, nhưng tiền do Cụ C cho.

Do vợ chồng ông bà không có nhà ở nên tháng 3/2013, vợ chồng ông bà xin ông T6 được ở trên nhà, đất này. Ông bà đã sửa chữa lại toàn bộ căn nhà với số tiền 150.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu chia cho ông bà 1/5 giá trị nhà, đất; yêu cầu nhận hiện vật là nhà, đất và ông thanh toán giá trị bằng tiền cho những người được hưởng thừa kế của ông T6; yêu cầu những người thừa kế của ông T6 phải thanh toán lại cho ông T2 số tiền đã sửa chữa nhà là 150.000.000 đồng.

- Cụ C và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ông Nguyễn Quốc D, Ông Nguyễn Quốc L, Bà Nguyễn Thị Ngọc G, Ông Nguyễn Quốc T3, Ông Nguyễn Quốc T4 và ông Nguyễn Quốc T1 trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, di sản của ông T6 là căn nhà nêu trên. Ngoài nhà đất tranh chấp thì năm 2010, ông T6 có mua 01 bộ sa long bằng gỗ Bền với giá 100.000.000 đồng hiện Bà Nguyễn Thị Thanh T cất giữ. Cụ C đồng ý chia di sản của ông T6 gồm nhà đất nêu trên và bộ sa lông theo pháp luật. Trong đó phần đất cụ được chia sẽ cho ông T2 sử dụng, còn bộ sa lông cụ yêu cầu được chia $\frac{1}{4}$ giá trị; Cụ C đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông T2 tiền sửa chữa nhà 150.000.000 đồng trước khi chia thừa kế của ông T6.

- Bà Đặng Thanh T5 trình bày: Khi ông T6 còn sống, vào khoảng tháng 4, 5 năm 2012 bà có cho ông T6 mượn 04 lượng vàng 24K 98%. Ông T6 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà để làm tin, khi nào trả vàng cho bà thì bà trả giấy lại cho ông T6. Bà cho mượn vàng không tính tiền lãi. Việc vay mượn này hai bên không có làm giấy tờ nhưng có ông Phạm Hữu Ph, sinh năm 1963, trú tại số 27, đường LTK, khu phố 4, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh làm chứng. Đến năm 2017, ông T6 không có vàng trả cho bà nên đầu năm 2017 bà thế chấp giấy đất cho ông Trần Thái Ng là chủ dịch vụ cầm đồ, trú tại ấp GT, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh để vay 04 lượng vàng 24K 98%, lãi suất 1%/tháng (quy ra vàng). Hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T6 do ông Ng giữ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế của ông T6 có nghĩa vụ trả lại cho bà 04 lượng vàng 24K 98%. Tạm tính giá vàng tại thời điểm hiện nay là 50.000.000 đồng/lượng, 04 lượng là 200.000.000 đồng.

Về yêu cầu độc lập của Bà Đặng Thanh T5, nguyên đơn và các đương sự khác có ý kiến như sau:

- Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Về bộ sa long như Cụ C, ông T2 trình bày là không có; bà cũng không thừa nhận ông T6 có vay vàng của Bà Đặng Thanh T5 cũng như của ông Trần Thái Ng nên không đồng ý trả; về yêu cầu của vợ chồng ông T2 thanh toán tiền sửa chữa nhà và đòi chia 1/5 di

sản của ông T6 bà không đồng ý, nhà này đã có sẵn chỉ vào ở, không phải làm thêm gì; gia đình ông T2 về ở nhờ nếu có sửa chữa cũng để phục vụ cho gia đình ông T2, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của Cụ C, Bà Đặng Thanh T5 và ông T2.

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Cụ C đồng ý với yêu cầu của Bà Đặng Thanh T5 trả lại 04 lượng vàng 24K mà ông T6 đã vay và khấu trừ số vàng này trước khi chia di sản thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2022/DS-ST, ngày 28-11-2022 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 166; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T đại diện) đối với ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 về việc “Đòi lại tài sản và tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Buộc ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 có nghĩa vụ trả lại cho Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th, cháu Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T đại diện) 01 phần đất có diện tích 541,5 m², tại thửa số 143, tờ bản đồ số 17 và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 143,26 m² xây dựng trên phần đất nêu trên do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; nhà, đất tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp hẻm 4 m, dài 19 m; Tây giáp lộ 15 m, dài 19 m; Nam giáp lộ 10 m, dài 28,5 m; Bắc giáp thửa 144, dài 28,5 m.

Buộc ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2, cháu Nguyễn Quốc V, cháu Nguyễn Quốc T7 có nghĩa vụ di dời vật dụng, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại nhà, đất nêu trên cho Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T đại diện).

- Công nhận Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T đại diện) được chia và được quyền sử dụng mỗi người 01 phần đất có diện tích 135,375 m² (ngang 4,75 m x 28,5 m), tổng cộng 03 người là 406,125 m² (ngang 14,25 m x 28,5 m), trong đó mỗi người được quyền sử dụng 75 m² đất ở nông thôn và 60,375 m² đất vườn, tại thửa số 143, tờ bản đồ số 17 do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đất tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp hẻm 4 m, dài 14, 25 m; Tây giáp lộ 15 m, dài 14,25 m; Nam giáp đất ông T2, dài 28,5 m; Bắc giáp thửa 144 dài 28,5 m.

- Công nhận Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T đại diện) được chia và được quyền sở hữu 01 căn

nhà cấp 4 có diện tích 143,26 m², tọa lạc trên phần đất có diện tích 406,125 m² nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với nhà, đất nêu trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, sau này Cháu Nguyễn Quốc Th, cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đủ 18 tuổi có yêu cầu thì Bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm giao lại cháu Th, cháu A kỷ phần nhà, đất mà 02 cháu được chia.

- Ghi nhận những người thừa kế của Cụ Vương Thị C là các Ông Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc L, Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Quốc T4 và Bà Nguyễn Thị Ngọc G đồng ý tặng cho phần di sản của Cụ C được chia cho ông Nguyễn Quốc T1.

- Công nhận ông Nguyễn Quốc T1 được quyền sử dụng 01 phần đất có diện tích 135,375 m² (ngang 4,75 m x 28,5 m), trong đó ông T1 được quyền sử dụng 75 m² đất ở nông thôn và 60,375 m² đất vườn, tại thửa số 143, tờ bản đồ số 17 do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đất tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp hẻm 4 m, dài 4,75 m Tây giáp lộ 15 m, dài 4,75 m; Nam giáp lộ 10 m, dài 28,5 m; Bắc giáp nhà, đất của Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th, cháu Nguyễn Ngọc Bảo A dài 28,5 m.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Quốc T1 số tiền 34.705.000 đồng.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà Nguyễn Thị Thanh T không chịu giao lại số tiền nêu trên, thì hàng tháng Bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải trả cho ông T1 số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Vương Thị C về việc bà yêu cầu chia di sản thừa kế là bộ sa long gỗ Bên mà ông Nguyễn Quốc T6 chết để lại.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T1 về việc ông xin được chia 01 suất thừa kế đối với tài sản ông Nguyễn Quốc T6 chết để lại.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T1 về việc ông yêu cầu những người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Quốc T6 trả lại cho ông 150.000.000 đồng tiền sửa chữa nhà.

- Không chấp nhận yêu cầu của Bà Đặng Thanh T5 về việc bà yêu cầu những người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Quốc T6 trả lại cho bà 04 lượng vàng 24K 9 tuổi 8, tương đương 200.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thanh T về việc bà yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc G trả lại cho bà giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên.

- Ghi nhận Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Bà Đặng Thanh T5 trả lại cho bà giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên.

- Cây trái, tường xây phía sau nhà, hàng rào lưới B40, mái che khung sắt tiền chế, công rào trên đất của ai được chia thì người đó hưởng.

- Ghi nhận Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chịu 3.000.000 đồng chi phí đo đạc, định giá tài sản (bà T đã nộp xong).

2. Về án phí DSST: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với Bà Đặng Thanh T5. Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T đại diện) mỗi người phải chịu 28.188.000 đồng. Ông Nguyễn Quốc T1 phải chịu 35.988.000 đồng án phí.

- Hoàn trả cho Bà Đặng Thanh T5 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 12-12-2022 các đương sự kháng cáo như sau:

- Ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chia cho ông 1/5 nhà đất ông T6 để lại, thanh toán tiền sửa nhà 150.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quốc D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc nguyên đơn chia di sản bộ sa long gỗ bên.

- Bà Đặng Thanh T5 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc những người thừa kế của ông T6 có nghĩa vụ trả 4 lượng vàng 24k 98% cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị không nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự nhưng sửa án về phần án phí và không giao phần thừa kế của Cụ C được hưởng cho vợ chồng ông T1 mà phải tuyên giao cho những người thừa kế của Cụ C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 24/4/2020, đến ngày 01/4/2022 Cụ C chết, chồng Cụ C là cụ Nguyễn Quốc T8 chết tháng 3/2017. Cụ C có các con là Ông Nguyễn Quốc D, Ông Nguyễn Quốc L, Bà Nguyễn Thị Ngọc G, Ông Nguyễn Quốc T3, Ông Nguyễn Quốc T4, ông Nguyễn Quốc T1 và Nguyễn Quốc T6 (chết). Nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa các con của Cụ C gồm: Nguyễn Quốc D, Ông Nguyễn Quốc L, Bà Nguyễn Thị Ngọc G, Ông Nguyễn Quốc T3, Ông Nguyễn Quốc T4, ông Nguyễn Quốc T1 tham gia tố tụng với tư cách thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng. Riêng ông T6 chết nhưng vợ con của ông T6 đã là nguyên đơn trong vụ án này nên việc đưa người tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm là đầy đủ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu chia thừa kế: Ông T6 chết ngày 02/6/2017, năm 2020 nguyên đơn khởi kiện, nên thời hiệu chia thừa kế còn trong hạn luật định.

[2.2] Về hàng thừa kế: Ông T6 có vợ là Bà Nguyễn Thị Thanh T cùng 02 người con chung với bà T là Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A. Thời điểm ông T6 chết Cụ Vương Thị C là mẹ ruột ông T6 vẫn còn sống. Ngoài ra, ông T6 không có con riêng, con nuôi và cha ruột ông T6 chết trước ông T6, nên hàng thừa kế của ông T6 gồm 04 người là Cụ Vương Thị C, Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A.

[2.3] Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất phần đất có diện tích 541,5 m², tại thửa số 143, tờ bản đồ số 17 và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 143,26 m² do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất; tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT là di sản do ông T6 để lại. Đất có giá 2.279.999.829 đồng (120 triệu đồng/mét ngang, 4.210.526 đồng/m²), nhà có giá 138.818.940 đồng; tổng giá trị nhà đất là 2.418.818.769 đồng.

Bị đơn cho rằng di sản của ông T6 còn có bộ bàn ghế sa lông gỗ bên trị giá 100 triệu đồng hiện do nguyên đơn quản lý; ngoài ra bị đơn cũng như Bà Đặng Thanh T5 còn cho rằng khi còn sống ông T6 có vay của Bà Đặng Thanh T5 số vàng 24K 98%, ước tính 200 triệu đồng, nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có gì chứng minh nên cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của bị đơn là có căn cứ.

Đối với việc vợ chồng ông T2 yêu cầu thanh toán chi phí sửa nhà 150.000.000 đồng, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở; bởi lẽ: vợ chồng ông T2 ở nhờ nhà của ông T6 khi nhà đã có sẵn, vợ chồng ông T2 cũng không xuất trình chứng cứ nào thể hiện ông T6 đồng ý cho sửa chữa và sửa chữa những gì, chi phí vật tư, nhân công.... Hơn nữa, quá trình gia đình ông T2 ở, nếu nhà có hư hỏng phải có nghĩa vụ sửa chữa phục vụ cho gia đình mình và bảo quản nhà cho ông T6. Mặt khác, số tiền ông T2 yêu cầu thanh toán sửa nhà còn cao hơn giá trị nhà hiện tại là không phù hợp thực tế.

Do đó, di sản của ông T6 bao gồm phần đất có diện tích 541,5 m², căn nhà cấp 4 diện tích 143,26 m²; giá trị tổng cộng: 2.418.818.769 đồng; mỗi phần được hưởng 604.704.600 đồng.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản của ông T6 cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T6 bằng hiện vật, trong đó Cụ C được chia 4,75 mét ngang, dài 28,5 mét. Phần còn lại và căn nhà giao cho vợ và 02 con của ông T6 là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của các bên.

[3] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại ghi nhận việc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Cụ C tặng cho lại vợ chồng ông T2 phần thừa kế mà Cụ C được hưởng của ông T6 trong vụ án này là không đúng, vì chưa ai yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của Cụ C. Hơn nữa, di sản của Cụ C phải do các đồng thừa kế quyết định. Ông T6 chết trước Cụ C thì các con ông T6 là người thừa kế thế vị di sản của Cụ C, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao đất cho vợ chồng ông T2 là ảnh hưởng đến quyền lợi của các con ông T6.

Về án phí, cấp sơ thẩm buộc Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A là trẻ em phải chịu án phí là không đúng với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do đó, cấp phúc thẩm sửa án về cách tuyên án và án phí cho đúng pháp luật, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên vợ chồng ông T2 phải chịu án phí theo luật định; ông D, bà T5 là người cao tuổi nên được miễn.

[5] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2; Ông Nguyễn Quốc D và Bà Đặng Thanh T5, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 166; các điều 649; 650; 651; 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 về việc đòi lại tài sản và tranh chấp thừa kế tài sản.

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T và 02 Cháu Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T3 đại diện) được quyền sử dụng mỗi người 01 phần đất có diện tích 135,375 m² (ngang 4,75 m x 28,5 m), tổng cộng 03 người là 406,125 m² (ngang 14,25 m x 28,5 m); trong đó mỗi phần có 75 m² đất ở nông thôn và 60,375 m² đất vườn, đất thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 17; do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đất tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây

Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp hẻm 4 m, dài 14,25 m; Tây giáp lộ 15 m, dài 14,25 m; Nam giáp đất chia cho Cụ C, dài 28,5 m; Bắc giáp thửa 144 dài 28,5 m.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T và 02 Cháu Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Ngọc Bảo A (do bà T3 đại diện) được sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích 143,26 m² cất trên phần đất nêu trên.

1.3. Buộc ông Nguyễn Quốc T1, bà Trương Thị T2 và các con ông T1, bà T2 có nghĩa vụ di dời vật dụng, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại nhà, đất nêu trên cho Bà Nguyễn Thị Thanh T, Cháu Nguyễn Quốc Th và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A.

1.4. Những người thừa kế theo pháp luật của Cụ Vương Thị C (Ông Nguyễn Quốc D, Ông Nguyễn Quốc L, Bà Nguyễn Thị Ngọc G, Ông Nguyễn Quốc T3, Ông Nguyễn Quốc T4, ông Nguyễn Quốc T1 và 02 người con của ông Nguyễn Quốc T6 là Cháu Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Ngọc Bảo A) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 135,375 m² (ngang 4,75 m x 28,5 m), trong đó có 75 m² đất ở nông thôn và 60,375 m² đất vườn, thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 17; do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đất tọa lạc tại ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp hẻm 4 m, dài 4,75 m; Tây giáp lộ 15 m, dài 4,75 m; Nam giáp lộ 10 m, dài 28,5 m; Bắc giáp đất của Bà Nguyễn Thị Thanh T, dài 28,5 m.

Cây trồng, tường xây làm hàng rào, lưới B40, mái che khung sắt tiền chế, cổng trên đất của ai được chia thì người đó được sở hữu.

1.5. Bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ giao lại cho những người thừa kế theo pháp luật của Cụ Vương Thị C (như nêu tại mục 1.4) số tiền 34.705.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm lẽ năm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của Cụ Vương Thị C về việc bà yêu cầu chia di sản thừa kế là bộ sa long gỗ bên.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T1 về việc yêu cầu được chia 01 suất thừa kế đối với di sản ông Nguyễn Quốc T6 chết để lại.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T1 về việc ông yêu cầu những người thừa kế di sản của ông Nguyễn Quốc T6 trả lại cho ông 150.000.000 đồng tiền sửa chữa nhà.

- Không chấp nhận yêu cầu của Bà Đặng Thanh T5 về việc yêu cầu những người thừa kế di sản của ông Nguyễn Quốc T6 trả lại cho bà 04 lượng vàng 24K 98%, tương đương 200.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc G trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Quốc T6 đứng tên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với Bà Đặng Thanh T5, Cháu Nguyễn Quốc Th, cháu Nguyễn Ngọc Bảo A và Cụ Vương Thị C.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 21.676.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp 1.966.000 đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu số 0008640, ngày 24/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã HT được khấu trừ, Bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp thêm số tiền 19.710.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quốc T1 phải chịu 75.000.000 đồng.

- Hoàn trả cho Bà Đặng Thanh T5 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0020925, ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: ông T1, bà Trương Thị T2 cùng chịu 300.000 đồng, đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại biên lai thu số 0021176, ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã HT được khấu trừ.

4. Chi phí tố tụng khác: Ghi nhận Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chịu 3.000.000 đồng chi phí đo đạc và định giá (đã nộp và chi xong).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TX HT;
- CCTHADS TX HT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh